TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05- 9- 2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc

2. Ông Nguyễn Đông Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 04 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1995, địa chỉ: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh H (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Hải L, sinh năm 1993, địa chỉ: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H trình bày: Chị với bị đơn anh Lê Hải L tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2016. Chị với anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Do đó, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh

Lê Hải L; Chị và anh L có hai người con chung là cháu Lê Bảo L, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/01/2018. Cả hai con chung đang sống cùng anh L. Ngoài ra, chị đang cùng người bạn thuê mặt bằng kinh doanh dịch vụ ăn uống có rượu bia (quán nhậu) nên có thu nhập trên 5.000.000 đồng mỗi tháng. Do đó, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo T, chị giao cháu Lê Bảo L cho anh L nuôi dưỡng. Chị và anh L, chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại văn bản ngày 17/6/2022, bị đơn anh Lê Hải L trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thanh H về hôn nhân. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng về sau anh chị bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân khoảng hai năm nay. Do đó, anh đồng ý ly hôn với chị H; Anh và chị H có hai người con chung là cháu Lê Bảo L, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/01/2018. Cả hai con chung đang sống cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung mà không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn là đúng pháp luật, đối với bị đơn chưa đúng pháp luật; Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung không chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Lê Ngọc Bảo T của nguyên đơn; chưa xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật; về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Nguyên đơn với bị đơn tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân hai năm, thống nhất ly hôn; Có hai con chung là cháu Lê Bảo L, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/01/2018, cả hai con chung do bị đơn đang nuôi dưỡng, không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung đều không có.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo T, bị đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có địa chỉ tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 14/9/2016, giữa nguyên đơn với bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh H với anh Lê Hải L đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/2016, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Thời điểm anh chị đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị Nguyễn Thanh H nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Hải L. Theo biên bản xác minh ngày 01/6/2022, thì chị H với anh L có hai người con chung, về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn giữa anh chị thì chính quyền địa phương không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về phía bị đơn mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về con chung và nuôi dưỡng con chung: Giữa chị Nguyễn Thanh H với anh Lê Hải L có hai người con chung là cháu Lê Bảo L, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/01/2018. Cả hai con chung đều do anh L đang nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị H trình bày bản thân chị có công việc và nguồn thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo T. Chị H giao cháu Lê Bảo L cho anh L nuôi dưỡng. Về phía anh Lê Hải L mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Theo biên bản ngày 17/6/2022, cháu Lê Bảo L có nguyện vọng được sống chung với cha. Theo biên bản xác minh ngày 01/6/2022, thì anh L với chị H có hai người con chung và cả hai người con chung đều do anh L đang nuôi dưỡng. Xét thấy, chị Nguyễn Thanh H có điều kiện kinh tế để nuôi cháu Lê Ngọc Bảo T, nhưng hiện tại cháu Lê Bảo L và cháu Lê Ngọc Bảo T đang sống cùng nhau và đều do anh Lê Hải L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để bảo đảm ổn định về điều kiện sống và tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của các cháu, bảo đảm quyền được sống cùng nhau của anh, chị em ruột theo quy định của Luật Trẻ em và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Bảo L, nên cần thiết giao cả hai con chung cho anh Lê Hải L tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Toà án chưa xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 60 của Luật Trẻ em năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thanh H. Cho chị Nguyễn Thanh H với anh Lê Hải L được ly hôn.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Lê Bảo L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2016 và cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2018 cho anh Lê Hải L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002765, ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Nguyễn Thanh H đã nộp xong, không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Cổng TTĐTTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Quyền Trân